



2025 CHAU-SHI SERIES
肇喜登峰巡迴賽



2025 肇喜登峰巡迴賽 - 大戶人家公開賽

2025 CHAU-SHI SERIES - WEALTHY FAMILY OPEN

第三回合編組表

Starting Times for Round 3

2025 年 10 月 2 日 (星期四) Oct.2,2025

地點：大崗山高爾夫球場 TA KANG SHAN GOLF COURSE

梯台 Tee 1 OUT Course									梯台 Tee 10 IN Course								
組別 Group	時間 Time	英文姓名 English name	中文姓名 Chinese name	國籍 Country	R1 Score	R2 Score	TOTAL	+/-	組別 Group	時間 Time	英文姓名 English name	中文姓名 Chinese name	國籍 Country	R1 Score	R2 Score	TOTAL	+/-
10	6:35	Lin Yi-Yuan	林義淵	TWN	74	70	144	E	1	6:30	Wen Cheng Hsiang	溫禎祥	TWN	69	75	144	E
		Lee Chin-chou	李謹州	TWN	73	71	144	E			Lai Chia-i	賴嘉一	TWN	73	72	145	1
		Lien Lu-sen	連驥森	TWN	73	71	144	E			Huang Yi-tseng	黃議增	TWN	76	69	145	1
11	6:45	Ryo Noro	野呂涼	JPN	72	72	144	E	2	6:40	Chen Ting-yu	陳霆宇	TWN	70	75	145	1
		Ian Peng	彭雄	TWN	70	73	143	-1			Tsai Chin-yang	蔡勁陽	TWN	73	72	145	1
		Ta-yu Lin	林大鈞	TWN	73	70	143	-1			Lin Chen-chu	林宸駒	TWN	71	74	145	1
12	6:55	Hung Jui-cheng	洪瑞誠	TWN	73	70	143	-1	3	6:50	Lo Cheng-yuan	羅政元	TWN	73	72	145	1
		Lin Yung-lung	林永龍	TWN	68	75	143	-1			Yeh Yu-chen	葉昱辰	TWN	72	73	145	1
		Jui-shen Lee	李睿紳	TWN	74	69	143	-1			Tseng Fu-tung	曾豐棟	TWN	70	75	145	1
13	7:05	Shen Wei-cheng	沈威成	TWN	72	70	142	-2	4	7:00	Yang Hsiao-che	楊孝哲	TWN	73	72	145	1
		Kao Teng	高藤	TWN	70	72	142	-2			Su Yen Wei	蘇彥瑋	TWN	71	74	145	1
		Su Ching-hung	蘇晉弘	TWN	72	70	142	-2			Wang Hsi-an	王璽安	TWN	75	71	146	2
14	7:15	Yasuo Sawasaki	澤崎 英雄	JPN	74	67	141	-3	5	7:10	Wang Sheng-hui	王勝暉	TWN	72	74	146	2
		Chin-hung He	何勁宏	TWN	72	69	141	-3			Chuan-wei Fang	方傳崑	TWN	70	76	146	2
		Chen Chieh-sheng	陳傑生	TWN	70	71	141	-3			Wu Chih-yi	吳致誼	TWN	72	74	146	2
15	7:25	Ko-yen Chang Chien	張簡克諺	TWN	69	71	140	-4	6	7:20	Huang Hsiang-hao	黃祥豪	TWN	73	73	146	2
		Hsu Yu-cheng	許育誠	TWN	67	73	140	-4			Huang Chih Yi	黃至翊	TWN	77	70	147	3
		Tseng Tzu-hao	曾子豪	TWN	71	69	140	-4			Shih Chun Yu	施俊宇	TWN	73	74	147	3
16	7:35	Tsai Tsung-yu	蔡宗佑	TWN	69	70	139	-5	7	7:30	Lin Yuan Wei	林遠惟	TWN	75	72	147	3
		Shunichiro Morioka	森岡 俊一郎	JPN	68	71	139	-5			Wei-sheng Chen	陳威勝	TWN	78	69	147	3
		Liu Yu-jui	劉又睿	TWN	70	69	139	-5			Nobuhiko Wakaari	若有 宣彦	JPN	72	75	147	3
17	7:45	Shapiyate Mako	沙比亞特·馬克	TWN	69	69	138	-6	8	7:40	Hsu Chih-kai	許智凱	TWN	74	73	147	3
		Chan Chia-han	詹佳翰	TWN	69	69	138	-6			Hsieh Chi-hsien	謝繼賢	TWN	77	70	147	3
		Chen Yi-tong	陳裔東	TWN	66	71	137	-7			Shinichi Mizuno	水野 眞惟智	JPN	72	75	147	3
18	7:55	Ho Yu-cheng	何祐誠	TWN	68	69	137	-7	9	7:50	Lin Keng-wei	林耕緯	TWN	73	74	147	3
		Tsai Kai-jen	蔡凱任	TWN	66	71	137	-7			Yeh Chia-yin	葉佳胤	TWN	72	75	147	3
		Hung Chao-hsin	洪朝鑫	TWN	70	67	137	-7									